Trung tâm Công báo và Tin học Văn phòng Ủy ban Nhân dân 24.07.2019 11:26:54 +07:00
Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi 24.07.2019 07:23:11 +07:00

Phụ lục 1

KẾ HOẠCH TỔNG HỢP
DỰ TRÙ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIÁO DỤC VÙNG NÚI, VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÙNG KHÓ KHĂN GIAI ĐOẠN 2016-2020 CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Kế hoạch số 102 /KH-UBND ngày 23 / 7/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Kế hoạch/năm	Hỗ trợ trang thiết bị tối thiểu và bàn ghế học sinh (triệu đồng)	Hỗ trợ trang thiết bị và đồ dùng khu nội trú (triệu đồng)	Hỗ trợ trang thiết bị, đồ dùng nhà ăn, nhà bếp (triệu đồng)	Hỗ trợ duy tu, sửa chữa, cải tạo, mở rộng nhà ăn, nhà bếp (triệu đồng)	Hỗ trợ duy tu, sửa chữa, cải tạo, mở rộng khu nội trú (triệu đồng)	Chi phí giám sát thực hiện chương trình (triệu đồng)	Tổng cộng
a	b	1	2	3	4	5	6	7
A	**Tổng số kinh phí**	**25.823**	**17.899**	**13.252**	**32.510**	**39.132**	**200**	**128.816**
	Kinh phí Trung ương	19.274	13.411,5	9.777	24.359,5	29.760		96.582
	Kinh phí địa phương	6.549	4.487,5	3.475	8.150,5	9.372	200	32.234
B	**Kinh phí đã thực hiện năm 2016 (trong đó)**	**4.427**	**1.549**	**1.352**	**1.908**	**4.080**	**0**	**13.316**
	Kinh phí Trung ương đã thực hiện năm 2016	3.227	1.149,0	852	1.408,0	3.346	0	9.982
	Kinh phí địa phương đã thực hiện năm 2016	1.200	400,0	500	500,0	734	0	3.334
C	**Kế hoạch**	**21.396**	**16.350**	**11.900**	**30.602**	**35.052**	**200**	**115.500**
	Kế hoạch năm 2018-2019	6.746	5.500	3.500	9.802	11.652	0	37.200
	Kế hoạch dự kiến năm 2020	6.650	5.450	3.800	10.000	12.400	0	38.300
	Kế hoạch dự kiến bổ sung năm 2016-2017	8.000	5.400	4.600	10.800	11.000	200	40.000

Phụ lục 2

KẾ HOẠCH

KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIÁO DỤC VÙNG NÚI, VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÙNG KHÓ KHĂN GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo kế hoạch số 12 /KH-UBND ngày 23 / 7 /2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên huyện/trường	Số học sinh chính sách	Hỗ trợ trang thiết bị tối thiểu và bàn ghế học sinh (triệu đồng)	Trong đó			Ghi chú
				Năm 2018, 2019	Dự kiến năm 2020	Dự kiến bổ sung 2016-2017	
a	b	1	2	3	4	5	6
	Tổng số kinh phí		**21.396**	**6.746**	**6.650**	**8.000**	
A	**Chia ra theo nguồn**						
	Kinh phí Trung ương		16.047	5.059	4.988	6.000	
	Kinh phí địa phương		5.349	1.687	1.663	2.000	
B	**Tổng kinh phí chia ra theo đơn vị thụ hưởng**	**5.416**	**21.396**	**6.746**	**6.650**	**8.000**	
	Tr.đó: +Trường PTDTBT	*3.585*	-				
	+Trường phổ thông công lập có học sinh chính sách theo học	*1.831*	-				
I	**Phòng Giáo dục và Đào tạo Sơn Hà**		**1.700**	**900**	**600**	**200**	
	Đơn vị thụ hưởng	**195**	-				
	Trường PTDT bán trú	**105**	**650**	**300**	**150**	**200**	
1	*Trường PTDTBT TH Sơn Ba*	*105*	650	*300*	*150*	*200*	
	Trường/điểm trường PT công lập khác có học sinh PTDTBT theo học	**90**	**1.050**	**600**	**450**	-	
1	*Trường THCS Sơn Thủy*	*18*	300	*150*	*150*		
2	*Trường TH và THCS Sơn Sơn Nham*	*45*	300	*150*	*150*		
3	*Trường THCS Sơn Ba*	*27*	450	*300*	*150*		
II	**Phòng Giáo dục và Đào tạo Ba Tơ**		**2.450**	**950**	**450**	**1.050**	
	Đơn vị thụ hưởng	**813**	-				
	Trường PTDT bán trú	***554***	**1.500**	**600**	**300**	**600**	
1	*Trường PTDT BT TH&THCS Ba Trang*	*199*	450	*150*	*100*	*200*	
2	*Trường PTDT BT TH&THCS Ba Xa*	*155*	450	*150*	*100*	*200*	
3	*Trường PTDTBT TH&THCS Ba Giang*	*200*	600	*300*	*100*	*200*	
	Trường/điểm trường PT công lập khác có học sinh PTDTBT theo học	*259*	**950**	**350**	**150**	**450**	
1	*Trường TH&THCS Ba Lế*	*83*	350	*200*		*150*	
2	*Trường TH Ba Trang*	*86*	300	*150*		*150*	
3	*Trường TH&THCS Ba Khâm*	*90*	300		*150*	*150*	
III	**Phòng Giáo dục và Đào tạo Minh Long**		**500**	**200**	**150**	**150**	
	Đơn vị thụ hưởng	**150**	-				
	Trường PTDT bán trú	*150*	-				
1	*Trường PTDTBT TH&THCS Long Môn*	*150*	500	*200*	*150*	*150*	
IV	**Phòng Giáo dục và Đào tạo Trà Bồng**		**3.446**	**596**	**1.850**	**1.000**	
	Đơn vị thụ hưởng	**1.144**	-				
	Trường PTDT bán trú	***680***	**2.446**	**596**	**850**	**1.000**	
1	*Trường PTDTBT TH&THCS Trà Hiệp*	*206*	600	*200*	*200*	*200*	
2	*Trường PTDTBT TH&THCS Trà Lâm*	*120*	600	*200*	*200*	*200*	
3	*Trường PTDTBT TH&THCS Trà Bùi*	*95*	546	*196*	*150*	*200*	
4	*Trường PTDTBT THCS Trà Sơn*	*145*	350		*150*	*200*	
5	*Trường PTDTBT THCS Trà Thủy*	*114*	350		*150*	*200*	
	Trường/điểm trường PT công lập khác có học sinh PTDTBT theo học	**464**	**1.000**	-	**1.000**	-	
1	*Trường Tiểu học Số 1 Trà Sơn*	*158*	200		*200*		
2	*Trường Tiểu học Trà Thủy*	*89*	150		*150*		

3	*Trường Tiểu học Trà Bình*	*83*	150		*150*	-	
4	*Trường Tiểu học Trà Sơn Số II*	*40*	150		*150*		
5	*Trường Tiểu học Trà Giang*	*35*	150		*150*		
6	*Trường Tiểu học Trà Phú*	*33*	150		*150*	-	
7	*Trường THCS Trà Bình*	*26*	50		*50*		
V	**Phòng Giáo dục và Đào tạo Tây Trà**		**6.850**	**2.000**	**1.550**	**3.300**	
	Đơn vị thụ hưởng	**1.528**	-				
	Trường PTDT bán trú	***1.378***	**6.100**	**2.000**	**1.100**	**3.000**	
1	*Trường PTDTBT TH Trà Lãnh:*	*139*	600	*200*	*100*	*300*	
2	*Trường PTDTBT TH Trà Quân:*	*103*	600	*200*	*100*	*300*	
3	*Trường PTDTBT TH Trà Nham:*	*236*	700	*200*	*200*	*300*	
4	*Trường PTDTBT H&THCS Trà Trung:*	*102*	600	*200*	*100*	*300*	
5	*Trường PTDTBT THCS Trà Thanh:*	*120*	600	*200*	*100*	*300*	
6	*Trường PTDTBT THCS Trà Khê:*	*109*	600	*200*	*100*	*300*	
7	*Trường PTDTBT THCS Trà Xinh:*	*160*	600	*200*	*100*	*300*	
8	*Trường PTDTBT THCS Trà Thọ:*	*109*	600	*200*	*100*	*300*	
9	*Trường PTDTBT THCS Trà Nham:*	*120*	600	*200*	*100*	*300*	
10	*Trường PTDTBT THCS Trà Lãnh:*	*180*	600	*200*	*100*	*300*	
	Trường/điểm trường PT công lập khác có học sinh PTDTBT theo học	***150***	**750**	-	**450**	**300**	
1	*Trường TH Trà Thanh:*	*65*	250		*150*	*100*	
2	*Trường TH Trà Quân:*	*45*	250		*150*	*100*	
3	*Trường TH Trà Thọ:*	*40*	250		*150*	*100*	
VI	**Phòng Giáo dục và Đào tạo Sơn Tây**		**6.450**	**2.100**	**2.050**	**2.300**	
	Đơn vị thụ hưởng	**1.586**	-				
	Trường PTDT bán trú	***718***	**4.200**	**2.100**	**700**	**1.400**	
1	*Trường PT DTBT THCS Sơn Liên*	*70*	600	*300*	*100*	*200*	
2	*Trường PT DTBT THCS Sơn Long*	*94*	600	*300*	*100*	*200*	
3	*Trường PT DTBT TH & THCS Sơn Bua*	*93*	600	*300*	*100*	*200*	
4	*PTDTBT Tiểu học Sơn mùa*	*165*	600	*300*	*100*	*200*	
5	*Trường PT DTBT THCS Sơn Mùa*	*155*	600	*300*	*100*	*200*	
6	*Trường PT DTBT TH & THCS Sơn lập*	*85*	600	*300*	*100*	*200*	
7	*PTDTBT THCS Sơn Màu*	*56*	600	*300*	*100*	*200*	
	Trường/điểm trường PT công lập khác có học sinh PTDTBT theo học	**868**	**2.250**	-	**1.350**	**900**	
1	*Trường THCS Sơn Dung*	*103*	250		*150*	*100*	
2	*Trường THCS Sơn Tân*	*127*	250		*150*	*100*	
3	*Trường THCS Sơn Tinh*	*70*	250		*150*	*100*	
4	*Trường TH Sơn Dung*	*155*	250		*150*	*100*	
5	*Trường TH Sơn Tân*	*125*	250		*150*	*100*	
6	*Trường TH Sơn Tinh*	*80*	250		*150*	*100*	
7	*Trường TH Sơn Long*	*60*	250		*150*	*100*	
8	*Trường TH Sơn Liên*	*75*	250		*150*	*100*	
9	*Trường TH Sơn Màu*	*73*	250		*150*	*100*	

Phụ lục 3

KẾ HOẠCH

KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIÁO DỤC VÙNG NÚI, VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÙNG KHÓ KHĂN GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo kế hoạch số 4402 /KH-UBND ngày 23 / 7 /2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên huyện/trường	Số học sinh chính sách	Hỗ trợ trang thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp (triệu đồng)	Trong đó			Ghi chú
				Năm 2018, 2019	Dự kiến năm 2020	Dự kiến bổ sung 2016-2017	
a	b	1	2	3	4	5	6
	Tổng số kinh phí		**11.900**	**3.500**	**3.800**	**4.600**	
A	**Chia ra theo nguồn**						
	Kinh phí Trung ương		8.925	2.625	2.850	3.450	
	Kinh phí địa phương		2.975	875	950	1.150	
B	**Tổng kinh phí chia ra theo đơn vị thụ hưởng**	**5.416**	**11.900**	**3.500**	**3.800**	**4.600**	
	Tr.đó: +Trường PTDTBT	***3.585***	-				
	+Trường phổ thông công lập có học sinh chính sách theo học	***1.831***	-				
I	**Phòng Giáo dục và Đào tạo Sơn Hà**		**640**	**200**	**340**	**100**	
	Đơn vị thụ hưởng	**195**	-				
	Trường PTDT bán trú	**105**	**250**	**50**	**100**	**100**	
1	*Trường PTDTBT TH Sơn Ba*	*105*	250	*50*	*100*	*100*	
	Trường/điểm trường PT công lập khác có học sinh PTDTBT theo học	**90**	**390**	**150**	**240**	-	
1	*Trường THCS Sơn Thủy*	*18*	130	*50*	*80*		
2	*Trường TH và THCS Sơn Sơn Nham*	*45*	130	*50*	*80*		
3	*Trường THCS Sơn Ba*	*27*	130	*50*	*80*		
II	**Phòng Giáo dục và Đào tạo Ba Tơ**		**1.200**	**450**	**350**	**400**	
	Đơn vị thụ hưởng	**813**	-				
	Trường PTDT bán trú	***554***	**750**	**300**	**150**	**300**	
1	*Trường PTDT BT TH&THCS Ba Trang*	*199*	250	*100*	*50*	*100*	
2	*Trường PTDT BT TH&THCS Ba Xa*	*155*	250	*100*	*50*	*100*	
3	*Trường PTDTBT TH&THCS Ba Giang*	*200*	250	*100*	*50*	*100*	
	Trường/điểm trường PT công lập khác có học sinh PTDTBT theo học	***259***	**450**	**150**	**200**	**100**	
1	*Trường TH&THCS Ba Lế*	*83*	120	*70*	*50*		
2	*Trường TH Ba Trang*	*86*	200		*100*	*100*	
3	*Trường TH&THCS Ba Khâm*	*90*	130	*80*	*50*		
III	**Phòng Giáo dục và Đào tạo Minh Long**		**180**	-	**80**	**100**	
	Đơn vị thụ hưởng	**150**	-				
	Trường PTDT bán trú	*150*	-				
1	*Trường PTDTBT TH&THCS Long Môn*	*150*	180		*80*	*100*	
IV	**Phòng Giáo dục và Đào tạo Trà Bồng**		**2.250**	**1.050**	**300**	**900**	
	Đơn vị thụ hưởng	**1.144**	-				
	Trường PTDT bán trú	***680***	**1.300**	**400**	**300**	**600**	
1	*Trường PTDTBT TH&THCS Trà Hiệp*	*206*	400	*200*		*200*	
2	*Trường PTDTBT TH&THCS Trà Lâm*	*120*	300	*200*		*100*	
3	*Trường PTDTBT TH&THCS Trà Bùi*	*95*	200		*100*	*100*	
4	*Trường PTDTBT THCS Trà Sơn*	*145*	200	-	*100*	*100*	
5	*Trường PTDTBT THCS Trà Thủy*	*114*	200		*100*	*100*	
	Trường/điểm trường PT công lập khác có học sinh PTDTBT theo học	**464**	**950**	**650**	-	**300**	
1	*Trường Tiểu học Số 1 Trà Sơn*	*158*	150	*100*		*50*	
2	*Trường Tiểu học Trà Thủy*	*89*	150	*100*		*50*	

3	*Trường Tiểu học Trà Bình*	*83*	150	*100*		*50*	
4	*Trường Tiểu học Trà Sơn Số II*	*40*	150	*100*		*50*	
5	*Trường Tiểu học Trà Giang*	*35*	150	*100*		*50*	
6	*Trường Tiểu học Trà Phú*	*33*	150	*100*		*50*	
7	*Trường THCS Trà Bình*	*26*	50	*50*			
V	**Phòng Giáo dục và Đào tạo Tây Trà**		**4.150**	**900**	**1.400**	**1.850**	
	Đơn vị thụ hưởng	**1.528**	-				
	Trường PTDT bán trú	*1.378*	**3.550**	**600**	**1.400**	**1.550**	
1	*Trường PTDTBT TH Trà Lãnh:*	*139*	400	*200*		*200*	
2	*Trường PTDTBT TH Trà Quân:*	*103*	300	*200*		*100*	
3	*Trường PTDTBT TH Trà Nham:*	*236*	400	*200*		*200*	
4	*Trường PTDTBT H&THCS Trà Trung:*	*102*	300		*200*	*100*	
5	*Trường PTDTBT THCS Trà Thanh:*	*120*	350		*200*	*150*	
6	*Trường PTDTBT THCS Trà Khê:*	*109*	300		*200*	*100*	
7	*Trường PTDTBT THCS Trà Xinh:*	*160*	400		*200*	*200*	
8	*Trường PTDTBT THCS Trà Thọ:*	*109*	350		*200*	*150*	
9	*Trường PTDTBT THCS Trà Nham:*	*120*	350		*200*	*150*	
10	*Trường PTDTBT THCS Trà Lãnh:*	*180*	400		*200*	*200*	
	Trường/điểm trường PT công lập khác có học sinh PTDTBT theo học	*150*	**600**	**300**	-	**300**	
1	*Trường TH Trà Thanh:*	*65*	200	*100*		*100*	
2	*Trường TH Trà Quân:*	*45*	200	*100*		*100*	
3	*Trường TH Trà Thọ:*	*40*	200	*100*		*100*	
VI	**Phòng Giáo dục và Đào tạo Sơn Tây**		**3.480**	**900**	**1.330**	**1.250**	
	Đơn vị thụ hưởng	**1.586**	-				
	Trường PTDT bán trú	*718*	**2.130**	-	**1.330**	**800**	
1	*Trường PT DTBT THCS Sơn Liên*	*70*	300		*200*	*100*	
2	*Trường PT DTBT THCS Sơn Long*	*94*	300		*200*	*100*	
3	*Trường PT DTBT TH & THCS Sơn Bua*	*93*	300		*200*	*100*	
4	*PTDTBT Tiểu học Sơn mùa*	*165*	400		*200*	*200*	
5	*Trường PT DTBT THCS Sơn Mùa*	*155*	300		*200*	*100*	
6	*Trường PT DTBT TH & THCS Sơn lập*	*85*	300		*200*	*100*	
7	*PTDTBT THCS Sơn Màu*	*56*	230		*130*	*100*	
	Trường/điểm trường PT công lập khác có học sinh PTDTBT theo học	**868**	**1.350**	**900**	-	**450**	
1	*Trường THCS Sơn Dung*	*103*	150	*100*		*50*	
2	*Trường THCS Sơn Tân*	*127*	150	*100*		*50*	
3	*Trường THCS Sơn Tinh*	*70*	150	*100*		*50*	
4	*Trường TH Sơn Dung*	*155*	150	*100*		*50*	
5	*Trường TH Sơn Tân*	*125*	150	*100*		*50*	
6	*Trường TH Sơn Tinh*	*80*	150	*100*		*50*	
7	*Trường TH Sơn Long*	*60*	150	*100*		*50*	
8	*Trường TH Sơn Liên*	*75*	150	*100*		*50*	
9	*Trường TH Sơn Màu*	*73*	150	*100*		*50*	

Phụ lục 4

KẾ HOẠCH

KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIÁO DỤC VÙNG NÚI, VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÙNG KHÓ KHĂN GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Kế hoạch số 102 /KH-UBND ngày 23 / 7 /2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên huyện/trường	Số học sinh chính sách	Hỗ trợ trang thiết bị và đồ dùng khu nội trú (triệu đồng)	Trong đó			Ghi chú
				Năm 2018, 2019	Dự kiến năm 2020	Dự kiến bổ sung 2016-2017	
a	b	1	2	3	4	5	6
	Tổng số kinh phí		**16.350**	**5.500**	**5.450**	**5.400**	
A	**Chia ra theo nguồn**						
	Kinh phí Trung ương		12.262,5	4.125	4.087,5	4.050	
	Kinh phí địa phương		4.087,5	1.375	1.362,5	1.350	
B	**Tổng kinh phí chia ra theo đơn vị thụ hưởng**	**5.416**	**16.350**	**5.500**	**5.450**	**5.400**	
	Tr.đó: +Trường PTDTBT	***3.585***	-				
	+Trường phổ thông công lập có học sinh chính sách theo học	***1.831***	-				
I	**Phòng Giáo dục và Đào tạo Sơn Hà**		**1.000**	**500**	**400**	**100**	
	Đơn vị thụ hưởng	**195**	-				
	Trường PTDT bán trú	**105**	**400**	**200**	**100**	**100**	
1	*Trường PTDTBT TH Sơn Ba*	*105*	400	*200*	*100*	*100*	
	Trường/điểm trường PT công lập khác có học sinh PTDTBT theo học	**90**	**600**	**300**	**300**	-	
1	*Trường THCS Sơn Thủy*	*18*	200	*100*	*100*		
2	*Trường TH và THCS Sơn Sơn Nham*	*45*	200	*100*	*100*		
3	*Trường THCS Sơn Ba*	*27*	200	*100*	*100*		
II	**Phòng Giáo dục và Đào tạo Ba Tơ**		**1.800**	**750**	**300**	**750**	
	Đơn vị thụ hưởng	**813**	-				
	Trường PTDT bán trú	***554***	**1.050**	**450**	**300**	**300**	
1	*Trường PTDT BT TH&THCS Ba Trang*	*199*	350	*150*	*100*	*100*	
2	*Trường PTDT BT TH&THCS Ba Xa*	*155*	350	*150*	*100*	*100*	
3	*Trường PTDTBT TH&THCS Ba Giang*	*200*	350	*150*	*100*	*100*	
	Trường/điểm trường PT công lập khác có học sinh PTDTBT theo học	***259***	**750**	**300**	-	**450**	
1	*Trường TH&THCS Ba Lế*	*83*	250	*100*		*150*	
2	*Trường TH Ba Trang*	*86*	250	*100*		*150*	
3	*Trường TH&THCS Ba Khâm*	*90*	250	*100*		*150*	
III	**Phòng Giáo dục và Đào tạo Minh Long**		**400**	**200**	-	**200**	
	Đơn vị thụ hưởng	**150**	-				
	Trường PTDT bán trú	*150*	-				
1	*Trường PTDTBT TH&THCS Long Môn*	*150*	400	*200*		*200*	
IV	**Phòng Giáo dục và Đào tạo Trà Bồng**		**3.500**	**1.600**	**600**	**1.300**	
	Đơn vị thụ hưởng	**1.144**	-				
	Trường PTDT bán trú	***680***	**2.200**	**900**	**600**	**700**	
1	*Trường PTDTBT TH&THCS Trà Hiệp*	*206*	500	*300*		*200*	
2	*Trường PTDTBT TH&THCS Trà Lâm*	*120*	500	*300*		*200*	
3	*Trường PTDTBT TH&THCS Trà Bùi*	*95*	400	*100*	*200*	*100*	
4	*Trường PTDTBT THCS Trà Sơn*	*145*	400	*100*	*200*	*100*	
5	*Trường PTDTBT THCS Trà Thủy*	*114*	400	*100*	*200*	*100*	
	Trường/điểm trường PT công lập khác có học sinh PTDTBT theo học	**464**	**1.300**	**700**	-	**600**	
1	*Trường Tiểu học Số 1 Trà Sơn*	*158*	300	*200*		*100*	
2	*Trường Tiểu học Trà Thủy*	*89*	200	*100*		*100*	
3	*Trường Tiểu học Trà Bình*	*83*	200	*100*		*100*	

4	*Trường Tiểu học Trà Sơn Số II*	*40*	200	*100*		*100*	
5	*Trường Tiểu học Trà Giang*	*35*	200	*100*		*100*	
6	*Trường Tiểu học Trà Phú*	*33*	200	*100*		*100*	
7	*Trường THCS Trà Bình*	*26*	-				
V	**Phòng Giáo dục và Đào tạo Tây Trà**		**5.050**	**1.550**	**1.600**	**1.900**	
	Đơn vị thụ hưởng	**1.528**	-				
	Trường PTDT bán trú	***1.378***	**4.150**	**1.250**	**1.300**	**1.600**	
1	*Trường PTDTBT TH Trà Lãnh:*	*139*	450	*150*	*100*	*200*	
2	*Trường PTDTBT TH Trà Quân:*	*103*	450	*150*	*100*	*200*	
3	*Trường PTDTBT TH Trà Nham:*	*236*	500	*200*	*100*	*200*	
4	*Trường PTDTBT H&THCS Trà Trung:*	*102*	350	*100*	*100*	*150*	
5	*Trường PTDTBT THCS Trà Thanh:*	*120*	400	*150*	*100*	*150*	
6	*Trường PTDTBT THCS Trà Khê:*	*109*	400	*150*	*100*	*150*	
7	*Trường PTDTBT THCS Trà Xinh:*	*160*	400	*150*	*100*	*150*	
8	*Trường PTDTBT THCS Trà Thọ:*	*109*	400		*300*	*100*	
9	*Trường PTDTBT THCS Trà Nham:*	*120*	400		*300*	*100*	
10	*Trường PTDTBT THCS Trà Lãnh:*	*180*	400	*200*		*200*	
	Trường/điểm trường PT công lập khác có học sinh PTDTBT theo học	***150***	**900**	**300**	**300**	**300**	
1	*Trường TH Trà Thanh:*	*65*	300	*100*	*100*	*100*	
2	*Trường TH Trà Quân:*	*45*	300	*100*	*100*	*100*	
3	*Trường TH Trà Thọ:*	*40*	300	*100*	*100*	*100*	
VI	**Phòng Giáo dục và Đào tạo Sơn Tây**		**4.600**	**900**	**2.550**	**1.150**	
	Đơn vị thụ hưởng	**1.586**	-				
	Trường PTDT bán trú	***718***	**2.800**	-	**2.100**	**700**	
1	*Trường PT DTBT THCS Sơn Liên*	*70*	400		*300*	*100*	
2	*Trường PT DTBT THCS Sơn Long*	*94*	400		*300*	*100*	
3	*Trường PT DTBT TH & THCS Sơn Bua*	*93*	400		*300*	*100*	
4	*PTDTBT Tiểu học Sơn mùa*	*165*	500		*400*	*100*	
5	*Trường PT DTBT THCS Sơn Mùa*	*155*	300		*200*	*100*	
6	*Trường PT DTBT TH & THCS Sơn lập*	*85*	400		*300*	*100*	
7	*PTDTBT THCS Sơn Màu*	*56*	400		*300*	*100*	
	Trường/điểm trường PT công lập khác có học sinh PTDTBT theo học	**868**	**1.800**	**900**	**450**	**450**	
1	*Trường THCS Sơn Dung*	*103*	200	*150*		*50*	
2	*Trường THCS Sơn Tân*	*127*	200	*150*		*50*	
3	*Trường THCS Sơn Tinh*	*70*	200	*150*		*50*	
4	*Trường TH Sơn Dung*	*155*	200	*150*		*50*	
5	*Trường TH Sơn Tân*	*125*	200	*150*		*50*	
6	*Trường TH Sơn Tinh*	*80*	200	*150*		*50*	
7	*Trường TH Sơn Long*	*60*	200		*150*	*50*	
8	*Trường TH Sơn Liên*	*75*	200		*150*	*50*	
9	*Trường TH Sơn Màu*	*73*	200		*150*	*50*	

Phụ lục 5

KẾ HOẠCH
KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIÁO DỤC VÙNG NÚI, VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÙNG KHÓ KHĂN GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Kế hoạch số 102 /KH-UBND ngày 23 / 7 /2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên huyện/trường	Số học sinh chính sách	Hỗ trợ duy tu sửa chữa cải tạo, mở rộng nhà ăn, nhà bếp (triệu đồng)	Trong đó			Ghi chú
				Năm 2018, 2019	Dự kiến năm 2020	Dự kiến bổ sung 2016-2020	
a	b	1	2	3	4	5	6
	Tổng số kinh phí		**30.602**	**9.802**	**10.000**	**10.800**	
A	**Chia ra theo nguồn**						
	Kinh phí Trung ương		22.951,5	7.351,5	7.500	8.100	
	Kinh phí địa phương		7.650,5	2.450,5	2.500	2.700	
B	**Tổng kinh phí chia ra theo đơn vị thụ hưởng**	**5.416**	30.602	**9.802**	**10.000**	**10.800**	
	Tr.đó: +Trường PTDTBT	***3.585***					
	+Trường phổ thông công lập có học sinh chính sách theo học	***1.831***					
I	**Phòng Giáo dục và Đào tạo Sơn Hà**		**2.000**	**1.000**	**600**	**400**	
	Đơn vị thụ hưởng	**195**					
	Trường PTDT bán trú	**105**					
1	*Trường PTDTBT TH Sơn Ba*	*105*					
	Trường/điểm trường PT công lập khác có học sinh PTDTBT theo học	**90**	**2.000**	**1.000**	**600**	**400**	
1	*Trường THCS Sơn Thủy*	*18*	*500*	*500*			
2	*Trường TH&THCS Sơn Nham*	*45*	*600*		*600*		
3	*Trường THCS Sơn Ba*	*27*	*900*	*500*		*400*	
II	**Phòng Giáo dục và Đào tạo Ba Tơ**		**3.900**	**200**	**2.200**	**1.500**	
	Đơn vị thụ hưởng	**813**					
	Trường PTDT bán trú	***554***	***2.100***	***200***	***1.400***	***500***	
1	*Trường PTDT BT TH&THCS Ba Trang*	*199*	*600*		*600*		
2	*Trường PTDT BT TH&THCS Ba Xa*	*155*	*800*		*800*		
3	*Trường PTDTBT TH&THCS Ba Giang*	*200*	*700*	*200*		*500*	
	Trường/điểm trường PT công lập khác có học sinh PTDTBT theo học	***259***	***1.800***	-	***800***	***1.000***	
1	*Trường TH&THCS Ba Lế*	*83*	*500*			*500*	
2	*Trường TH Ba Trang*	*86*	*800*		*800*		
3	*Trường TH&THCS Ba Khâm*	*90*	*500*			*500*	
III	**Phòng Giáo dục và Đào tạo Minh Long**		***900***	***400***	***500***	-	
	Đơn vị thụ hưởng	**150**	-				
	Trường PTDT bán trú	*150*	-				
1	*Trường PTDTBT TH&THCS Long Môn*	*150*	*900*	*400*	*500*		
IV	**Phòng Giáo dục và Đào tạo Trà Bồng**		**6.700**	**1.700**	**2.200**	**2.800**	
	Đơn vị thụ hưởng	**1.144**	-				
	Trường PTDT bán trú	***680***	***4.300***	***1.700***	***2.200***	***400***	
1	*Trường PTDTBT TH&THCS Trà Hiệp*	*206*	*2.000*	*1.200*	*800*		
2	*Trường PTDTBT TH&THCS Trà Lâm*	*120*	*1.000*	*500*	*500*		
3	*Trường PTDTBT TH&THCS Trà Bùi*	*95*	*500*		*500*		
4	*Trường PTDTBT THCS Trà Sơn*	*145*	*400*			*400*	
5	*Trường PTDTBT THCS Trà Thủy*	*114*	*400*		*400*		
	Trường/điểm trường PT công lập khác có học sinh PTDTBT theo học	**464**	**2.400**	-	-	**2.400**	
1	*Trường Tiểu học Số 1 Trà Sơn*	*158*	*400*			*400*	

2	*Trường Tiểu học Trà Thủy*	*89*	*400*			*400*	
3	*Trường Tiểu học Trà Bình*	*83*	*400*			*400*	
4	*Trường Tiểu học Trà Sơn Số II*	*40*	*400*			*400*	
5	*Trường Tiểu học Trà Giang*	*35*	*400*			*400*	
6	*Trường Tiểu học Trà Phú*	*33*	*400*			*400*	
7	*Trường THCS Trà Bình*	*26*	-				
V	**Phòng Giáo dục và Đào tạo Tây Trà**		**9.102**	**4.202**	**1.900**	**3.000**	
	Đơn vị thụ hưởng	**1.528**	-				
	Trường PTDT bán trú	*1.378*	**7.602**	**4.202**	**1.900**	**1.500**	
1	*Trường PTDTBT TH Trà Lãnh:*	*139*	*855*	*855*			
2	*Trường PTDTBT TH Trà Quân:*	*103*	*600*		*600*		
3	*Trường PTDTBT TH Trà Nham:*	*236*	*500*			*500*	
4	*Trường PTDTBT H&THCS Trà Trung:*	*102*	*500*		*500*		
5	*Trường PTDTBT THCS Trà Thanh:*	*120*	*1.050*	*1.050*			
6	*Trường PTDTBT THCS Trà Khê:*	*109*	*1.600*	*1.600*			
7	*Trường PTDTBT THCS Trà Xinh:*	*160*	*800*		*800*		
8	*Trường PTDTBT THCS Trà Thọ:*	*109*	*500*			*500*	
9	*Trường PTDTBT THCS Trà Nham:*	*120*	*697*	*697*			
10	*Trường PTDTBT THCS Trà Lãnh:*	*180*	*500*			*500*	
	Trường/điểm trường PT công lập khác có học sinh PTDTBT theo học	*150*	**1.500**	-	-	**1.500**	
1	*Trường Tiểu học Trà Thọ*	*65*	*500*			*500*	
2	*Trường Tiểu học Trà Quân*	*45*	*500*			*500*	
3	*Trường Tiểu học Trà Thanh*	*40*	*500*			*500*	
VI	**Phòng Giáo dục và Đào tạo Sơn Tây**		**8.000**	**2.300**	**2.600**	**3.100**	
	Đơn vị thụ hưởng	**1.586**	-				
	Trường PTDT bán trú	*718*	**5.100**	**1.500**	**2.600**	**1.000**	
1	*Trường PT DTBT THCS Sơn Liên*	*70*	*1.000*	*500*	*500*		
2	*Trường PT DTBT THCS Sơn Long*	*94*	*600*		*600*		
3	*Trường PT DTBT TH & THCS Sơn Bua*	*93*	*1.000*	*1.000*			
4	*Trường PTDTBT Tiểu học Sơn mùa*	*165*	*600*		*600*		
5	*Trường PT DTBT TH & THCS Sơn lập*	*85*	*500*			*500*	
6	*Trường PT DTBT THCS Sơn Mùa*	*155*	*500*			*500*	
7	*PTDTBT THCS Sơn Màu*	*56*	*900*		*900*		
	Trường/điểm trường PT công lập khác có học sinh PTDTBT theo học	**868**	**2.900**	**800**	-	**2.100**	
1	*Trường THCS Sơn Dung*	*103*	*200*	*200*			
2	*Trường THCS Sơn Tân*	*127*	*600*	*600*			
3	*Trường THCS Sơn Tinh*	*70*	*300*			*300*	
4	*Trường TH Sơn Dung*	*155*	*300*			*300*	
5	*Trường TH Sơn Tân*	*125*	*300*			*300*	
6	*Trường TH Sơn Tinh*	*80*	*300*			*300*	
7	*Trường TH Sơn Long*	*60*	*300*			*300*	
8	*Trường THCS Sơn Liên*	*75*	*300*			*300*	
9	*Trường THCS Sơn màu*	*73*	*300*			*300*	

Phụ lục 6

KẾ HOẠCH

KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIÁO DỤC VÙNG NÚI, VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÙNG KHÓ KHĂN GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo kế hoạch số 102 /KH-UBND ngày 23 / 7 /2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên huyện/trường	Số học sinh chính sách	Hỗ trợ duy tu sửa chữa, cải tạo, mở rộng khu nội trú (triệu đồng)	Trong đó			Ghi chú
				Năm 2018, 2019	Dự kiến năm 2020	Dự kiến bổ sung 2016-2017	
a	b	1	2	3	4	5	6
	Tổng số kinh phí		**35.052**	**11.652**	**12.400**	**11.000**	
A	**Chia ra theo nguồn**						
	Kinh phí Trung ương		26.414	8.739	9.375	8.300	
	Kinh phí địa phương		8.638	2.913	3.025	2.700	
B	**Tổng kinh phí chia ra theo đơn vị thụ hưởng**	**5.416**	**35.052**	**11.652**	**12.400**	**11.000**	
	Tr.đó: +Trường PTDTBT	*3.585*	-				
	+Trường phổ thông công lập có học sinh chính sách theo học	*1.831*	-				
I	**Phòng Giáo dục và Đào tạo Sơn Hà**		**3.800**	**1.200**	**2.300**	**300**	
	Đơn vị thụ hưởng	**195**	-				
	Trường PTDT bán trú	**105**	**700**	-	**400**	**300**	
1	*Trường PTDTBT TH Sơn Ba*	*105*	700		*400*	*300*	
	Trường/điểm trường PT công lập khác có học sinh PTDTBT theo học	**90**	**3.100**	**1.200**	**1.900**	-	
1	*Trường THCS Sơn Thủy*	*18*	1.200	*600*	*600*		
2	*Trường TH và THCS Sơn Sơn Nham*	*45*	800		*800*		
3	*Trường THCS Sơn Ba*	*27*	1.100	*600*	*500*		
II	**Phòng Giáo dục và Đào tạo Ba Tơ**		**3.450**	**250**	**2.300**	**900**	
	Đơn vị thụ hưởng	**813**	-				
	Trường PTDT bán trú	*554*	**1.850**	**250**	**1.200**	**400**	
1	*Trường PTDT BT TH&THCS Ba Trang*	*199*	600		*600*		
2	*Trường PTDT BT TH&THCS Ba Xa*	*155*	600		*600*		
3	*Trường PTDTBT TH&THCS Ba Giang*	*200*	650	*250*		*400*	
	Trường/điểm trường PT công lập khác có học sinh PTDTBT theo học	*259*	**1.600**	-	**1.100**	**500**	
1	*Trường TH&THCS Ba Lế*	*83*	500		*500*		
2	*Trường TH Ba Trang*	*86*	500			*500*	
3	*Trường TH&THCS Ba Khâm*	*90*	600		*600*		
III	**Phòng Giáo dục và Đào tạo Minh Long**		**1.000**	**500**	**500**	-	
	Đơn vị thụ hưởng	**150**	-				
	Trường PTDT bán trú	*150*	-				
1	*Trường PTDTBT TH&THCS Long Môn*	*150*	1.000	*500*	*500*		
IV	**Phòng Giáo dục và Đào tạo Trà Bồng**		**6.770**	**2.470**	**1.600**	**2.700**	
	Đơn vị thụ hưởng	**1.144**	-				
	Trường PTDT bán trú	*680*	**3.570**	**2.470**	**600**	**500**	
1	*Trường PTDTBT TH&THCS Trà Hiệp*	*206*	800	*800*			
2	*Trường PTDTBT TH&THCS Trà Lâm*	*120*	900	*900*			
3	*Trường PTDTBT TH&THCS Trà Bùi*	*95*	500			*500*	
4	*Trường PTDTBT THCS Trà Sơn*	*145*	770	*770*			
5	*Trường PTDTBT THCS Trà Thủy*	*114*	600		*600*		
	Trường/điểm trường PT công lập khác có học sinh PTDTBT theo học	**464**	**3.200**	-	**1.000**	**2.200**	
1	*Trường Tiểu học Số 1 Trà Sơn*	*158*	500			*500*	
2	*Trường Tiểu học Trà Thủy*	*89*	500		*500*		

3	*Trường Tiểu học Trà Bình*	*83*	500			*500*	
4	*Trường Tiểu học Trà Sơn Số II*	*40*	500			*500*	
5	*Trường Tiểu học Trà Giang*	*35*	500		*500*		
6	*Trường Tiểu học Trà Phú*	*33*	500			*500*	
7	*Trường THCS Trà Bình*	*26*	200			*200*	
V	**Phòng Giáo dục và Đào tạo Tây Trà**		**9.632**	**3.832**	**3.200**	**2.600**	
	Đơn vị thụ hưởng	**1.528**	-				
	Trường PTDT bán trú	*1.378*	**8.032**	**3.832**	**2.600**	**1.600**	
1	*Trường PTDTBT TH Trà Lãnh:*	*139*	500			*500*	
2	*Trường PTDTBT TH Trà Quân:*	*103*	500			*500*	
3	*Trường PTDTBT TH Trà Nham:*	*236*	800		*800*		
4	*Trường PTDTBT H&THCS Trà Trung:*	*102*	600			*600*	
5	*Trường PTDTBT THCS Trà Thanh:*	*120*	1.000	*1.000*			
6	*Trường PTDTBT THCS Trà Khê:*	*109*	1.000	*1.000*			
7	*Trường PTDTBT THCS Trà Xinh:*	*160*	1.000		*1.000*		
8	*Trường PTDTBT THCS Trà Thọ:*	*109*	800		*800*		
9	*Trường PTDTBT THCS Trà Nham:*	*120*	1.000	*1.000*			
10	*Trường PTDTBT THCS Trà Lãnh:*	*180*	832	*832*			
	Trường/điểm trường PT công lập khác có học sinh PTDTBT theo học	***150***	**1.600**	-	**600**	**1.000**	
1	*Trường TH Trà Thanh:*	*65*	600		*600*		
2	*Trường TH Trà Quân:*	*45*	500			*500*	
3	*Trường TH Trà Thọ:*	*40*	500			*500*	
VI	**Phòng Giáo dục và Đào tạo Sơn Tây**		**10.400**	**3.400**	**2.500**	**4.500**	
	Đơn vị thụ hưởng	**1.586**	-				
	Trường PTDT bán trú	*718*	**4.700**	**1.200**	**2.500**	**1.000**	
1	*Trường PT DTBT THCS Sơn Liên*	*70*	600	*600*			
2	*Trường PT DTBT THCS Sơn Long*	*94*	900		*900*		
3	*Trường PT DTBT TH & THCS Sơn Bua*	*93*	800		*800*		
4	*PTDTBT Tiểu học Sơn mùa*	*165*	600	*600*			
5	*Trường PT DTBT THCS Sơn Mùa*	*155*	500			*500*	
6	*Trường PT DTBT TH & THCS Sơn lập*	*85*	800		*800*		
7	*PTDTBT THCS Sơn Màu*	*56*	500			*500*	
	Trường/điểm trường PT công lập khác có học sinh PTDTBT theo học	**868**	**5.700**	**2.200**	-	**3.500**	
1	*Trường THCS Sơn Dung*	*103*	700	*400*		*300*	
2	*Trường THCS Sơn Tân*	*127*	500	*300*		*200*	
3	*Trường THCS Sơn Tinh*	*70*	1.500	*1.500*			
4	*Trường TH Sơn Dung*	*155*	500			*500*	
5	*Trường TH Sơn Tân*	*125*	500			*500*	
6	*Trường TH Sơn Tinh*	*80*	500			*500*	
7	*Trường TH Sơn Long*	*60*	500			*500*	
8	*Trường TH Sơn Liên*	*75*	500			*500*	
9	*Trường TH Sơn Màu*	*73*	500			*500*	